TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2023/DS-PT
Ngày: 25/8/2023
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản; quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; hợp đồng chuyển đổi nhà, đất và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; bồi thường thiệt hại tài sản; chia tài sản chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Võ Công Phương.

- *Các Thẩm phán*: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

Ông Phan Minh Dũng.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Hùng Cường là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định***: Bà Đặng Thị Thanh Trúc- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 56/2023/TLPT-DS ngày 13 tháng 06 năm 2023 về tranh chấp về thừa kế tài sản; quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; hợp đồng chuyển đổi nhà, đất và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; bồi thường thiệt hại tài sản; chia tài sản chung.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 44/2023/DS-ST ngày 21 tháng 03 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố QNh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 130/2023/QĐ-PT ngày 04 tháng 07 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Thu V, cư trú tại: Số nhà 517/27, đường PVT, Phường 5, quận GV, Thành phố HCM.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Văn P, cư trú tại: Số nhà 906, đường HV, thành phố QN, tỉnh BĐ, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 05 tháng 9 năm 2019); có mặt.

- *Bị đơn*:

1. Cụ Nguyễn Thị H, cư trú tại: Tổ 10, khu vực 5, phường NP, thành phố QNh, tỉnh BĐ.

Người đại diện hợp pháp của cụ Hậu: Bà Lê Thị Hồng K; cư trú tại: Số nhà 104, đường NTMK, thành phố QN, tỉnh BĐ là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 04 tháng 10 năm 2019); có mặt.

2. Ông Lê Văn A, cư trú tại: Số nhà 28, đường ND, phường NP, thành phố QN, tỉnh BĐ; có mặt.

3. Ông Lê Văn C, cư trú tại: Số nhà 578, đường HV, thành phố QN, tỉnh BĐ.

Người đại diện hợp pháp của ông C: Ông Lê Văn A là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 09 tháng 5 năm 2022); có mặt.

4. Bà Lê Thị Kim C1, cư trú tại: Số nhà 130, đường ĐT, thành phố QN, tỉnh BĐ. Có mặt.

5. Ông Lê Văn Tr, cư trú tại: Số nhà 26, đường ND, phường NP, thành phố QN, tỉnh BĐ.

6. Bà Lê Thị Thanh Ng, cư trú tại: Số nhà 27, đường VTS, thành phố QN, tỉnh BĐ.

Người đại diện hợp pháp của ông Trí, bà Ng: Bà Lê Thị Hồng K là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày ngày 04 tháng 10 năm 2019 và ngày 09 tháng 5 năm 2022).

7. Bà Lê Thị Hồng K, cư trú tại: Số nhà 104, đường NTMK, thành phố QN, tỉnh BĐ; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Hồ Nguyên L, hoạt động tại Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên TN thuộc Đoàn Luật sư Thành phố HCM, nơi làm việc: Số nhà 384/8B, đường NKKN, Phường 8, Quận 3, Thành phố HCM. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn VD Land, trụ sở tại: Số nhà 24, đường Nguyễn Diêu, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của Công ty Trách nhiệm hữu hạn VD Land: Ông Võ Văn P - Giám đốc là người đại diện theo pháp luật; có mặt.

2. Ông Thân Thanh T, cư trú tại: Số nhà 26, đường ND, phường NP, thành phố QN, tỉnh BĐ; vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Th, cư trú tại: Số nhà 26, đường ND, phường NP, thành phố QN, tỉnh BĐ; vắng mặt.

4. Bà Trần Thị Hồng H1, cư trú tại: Số nhà 28, đường ND, phường NP, thành phố QN, tỉnh BĐ; vắng mặt.

5. Bà Nguyễn Lê Thị Dạ V1, cư trú tại: Tổ 9, khu vực 9, phường TQD, thành phố QN, tỉnh BĐ; vắng mặt.

6. Bà Nguyễn Thị Bích H, cư trú tại: Số nhà 578, đường HV, thành phố QN, tỉnh BĐ; vắng mặt.

7. Ông Lê Như Đ, cư trú tại: Số nhà 104, đường NTMK, thành phố QN, tỉnh BĐ; vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: Bà Nguyễn Thị H2, Ông Lê Văn A, Ông Lê Văn C, bà Lê Thị Kim C1, bà Lê Văn Tr, bà Lê Thị Hồng K và bà Lê Thị Thanh Ng là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn bà Lê Thị Thu V là ông Võ Văn P trình bày:

Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 32, tọa lạc tại tổ 10, khu vực 5, phường NP, thành phố QN, tỉnh BĐ (nay thuộc các số nhà 24, 26, 28, đường ND) có diện tích là 547,9m^2; trước đây, trên đất có một căn nhà diện tích 98m^2, được xây dựng từ năm 1948 (nay là nhà số 28, đường ND); có nguồn gốc của vợ chồng cố Lê Kh và cố Hồ Thị L1 tạo lập. Cố Kh và cố L1 sinh được một người con là cụ Lê Văn L1. Cụ Lập kết hôn với cụ Nguyễn Thị H sinh được 07 người con gồm: Ông Lê Văn A, bà Lê Thị Thu V, ông Lê Văn C, bà Lê Thị Kim C, ông Lê Văn Tr, bà Lê Thị Hồng K, bà Lê Thị Thanh Ng. Cụ Lập chết năm 1975, cố L1 chết năm 1983; cố Kh chết vào năm 1995, không ai để lại di chúc phân chia nhà, đất nêu trên. Trước năm 1975, xe ô-tô của cố Kh chạy sập cầu Chợ Dinh, gia đình cố Kh phải dồn hết tiền đền bù xây lại cầu, tiếp đến là cụ Lập chết lúc làm nghề. Cho nên, sau năm 1975, hoàn cảnh kinh tế gia đình của cố Kh gặp nhiều khó khăn, còn bao nhiêu tiền đều lo cho các cháu còn nhỏ ăn học, về phần cụ H được chính quyền đưa đi kinh tế mới ở huyện VC, tỉnh BĐ và nhập hộ khẩu về đó từ năm 1978.

Sau khi cố L1 chết, bà V là con gái lớn trong nhà phải nghỉ học để đi học nghề may tại tiệm may Vạn Hoa (QN). Năm 1984, bà Vân mở tiệm may tại ngôi nhà trên và lấy tiền lo cho cả gia đình, vì lúc này cụ H không có công ăn việc làm, cố Kh tuổi đã cao nên sửa chữa xe cũng ít (trước năm 1975 có mở garage sửa xe trên thửa đất nêu trên). Năm 1987, bà V kết hôn, năm 1989 chồng bà V chết, trong khoảng thời gian này, bà V vẫn may đồ tại tiệm may trên. Đến năm 1990, cố Lê Kh đã đồng ý cho gian tiệm may này cho bà V. Năm 2002, mẹ và các anh, chị, em của bà V họp bàn thống nhất và nhờ ông P vẽ sơ đồ để phân chia nhà, đất nêu trên. Theo đó, căn nhà mà bà V mở tiệm may giao cho ông A ở để lo cúng giỗ, bà V chuyển sang căn nhà số 24, đường ND. Năm 2003, ông C đổi căn nhà cũ 9m^2 và khoảng đất số 3 (theo sơ đồ phân chia) cho bà Vân để nhận khoảnh đất số 8, bà V phải bù cho ông C số tiền là 40.000.000 đồng, có Giấy đổi nhà và đất thổ cư ngày 02/4/2003 có sự chứng kiến của khu vực trưởng và anh, chị, em trong gia đình. Năm 2004, bà C chuyển nhượng khoảnh đất số 4,

diện tích khoảng 52m^2 cho bà V với giá 20.000.000 đồng và 05 chỉ vàng y, việc chuyển nhượng bằng miệng không có giấy tờ, bà V đã giao đủ tiền và vàng. Năm 2004 – 2005, ông C chuyển nhượng lại cho bà V khoảnh đất số 8, diện tích khoảng 55m^2 với giá 17.000.000 đồng, việc chuyển nhượng bằng miệng không có giấy tờ, bà V đưa tiền cho ông, ông gửi cho ông C.

Đầu năm 2003, bà Vân nhờ ông chỉ đạo xây dựng 01 cửa hàng có diện tích khoảng 60m^2, nay là nửa trước của căn nhà số 24 và 26, đường ND, đổ đất nâng vườn phía sau cao 1,2m và xây thêm phía sau căn nhà số 24 một gian bếp và một gian nhà vệ sinh. Toàn bộ chi phí cho lần xây dựng này bà V mượn của ông là 200.000.000 đồng đến nay chưa có điều kiện trả. Năm 2006 – 2007, ông C có đơn xin phép sửa chữa nhà để ông Tr xây dựng thêm nửa căn nhà phía sau nhà số 26 (thuộc khoảnh đất số 2). Năm 2010, bà H xây 01 gian nhà nhỏ sau căn nhà số 28 để ở và ngăn chặn không cho ông A lấn chiếm phần đất của cụ H (khoảnh đất số 5), vì lúc đó em vợ của ông A có ý định bành trướng mở quán cà phê sân vườn. Lúc này, cụ H lục đục với bà H1 (vợ của ông A), không qua thắp nhang được, nên bà V mới về xin phô-tô bộ ảnh ông bà về đặt thờ ở căn nhà số 24 để cụ H thắp nhang hàng ngày. Năm 2012, những người được phân chia đất năm 2002 đi đăng ký nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp. Tháng 4-2018, các con của cụ Hậu công chứng hết chứng minh nhân dân nhờ ông khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (đối với những người có đất mà chưa khai) và hoàn thiện hồ sơ để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tháng 11/2018, bà Ng xây dựng dở dang móng nhà trên khoảnh đất số 6. Từ tháng 8 đến tháng 10/2018, bà V thuê ông Võ Văn A1 xây dựng gian nhà phía sau căn nhà số 24 với diện tích 50,4m^2 và các hạng mục khác như đường đi chung, tường rào… với tổng giá trị là 415.900.000 đồng. Bà V có gọi vợ chồng ông C lại mục đích để thông báo cho lại khoảng đất số 8 cho con của vợ chồng ông C tên là Ph. Cùng lúc đó, Công ty Trách nhiệm hữu hạn VD Land (sau đây viết tắt là Công ty VD Land) cũng tiến hành sửa chữa gian nhà trước của căn nhà số 24 theo Hợp đồng thuê nhà với bà V ngày 29/7/2018. Trong suốt quá trình xây dựng không có ai tranh chấp. Ngày 20/11/2018, trong khi bà V đang ở trong Thành phố HCM, ông C và ông Trítự ý đem ti-vi đến lắp, thuê kéo truyền hình cáp vào nhà bà V, sau đó hăm dọa đòi đánh thợ đang làm móng nhà cho bà Nguyệt ở khoảnh đất số 6. Vì vậy, ông và chị V đã thống nhất cho tiệm may và Công ty tạm đóng cửa. Khi cụ H đau nặng, ông A có mượn ông chìa khóa nhà của bà V để đưa cụ H về ở. Khoảng 01 tháng sau, cụ H mạnh khỏe trở lại.

Ngày 29/01/2019, được sự thống nhất của cụ H, bà V đã ngăn căn nhà số 24 ra làm hai phần, phần trước cho ông thuê làm văn phòng còn phần sau dành cho cụ H ở. Vài ngày sau, ông C chở cụ H về nhà của ông C, sau đó ngang nhiên khóa cửa gian nhà sau của bà V, khóa cửa gian nhà trước và tháo bản hiệu Công ty VD Land ném đi nơi khác. Căn nhà số 28 chia cho ông A ở và sửa chữa, không ai cản trở, căn nhà số 26 ông Trích chưa trả tiền ½ căn nhà phía trước mà bà V đã chi phí xây dựng, vợ chồng ông Tr xây thêm gian nhà phía sau cho thuê đã 08 năm nay cũng không ai quấy rầy, các cá nhân khác chưa ai xây nhà trên khu

đất này nên không có thiệt hại gì. Vậy tại sao căn nhà số 24 của bà V đổi đất và xây dựng các đợt thì bị cả gia đình bà V ngang nhiên khóa cửa hòng chiếm đoạt.

Năm 2019, bà Ng có nhờ ông Trídưa cho ông số tiền 30.000.000 đồng và nhờ ông gọi thợ đổ vật tư xây móng nhà trên khoảnh đất số 6, nhưng mới xây dựng được giá trị 19.345.000 đồng thì ông A ngăn cản không cho xây tiếp. Sau khi bên bị đơn khóa cửa nhà của bà V, tháo bản hiệu của Công ty VD ông đã nhiều lần làm việc với bà V nhưng bà V báo phía bị đơn không nghe vẫn cứ chiếm văn phòng công ty. Ngày 10/3/2019, ông có mời khu vực trưởng đến chứng kiến việc Công ty cắt khóa văn phòng nhà số 24 để làm việc nhưng đến ngày hôm sau bên bị đơn tiếp tục khóa cửa. Công ty VD Land đăng ký kinh doanh lần đầu vào ngày 29-8-2017, chủ sở hữu là ông. Ngày 29-7-2018, ông ký hợp đồng thuê căn nhà số 24 của bà V để làm văn phòng công ty, trong đó có điều khoản thỏa thuận Công ty chịu trách nhiệm kinh phí xây dựng lại phần bếp, toa-let, phòng nghỉ cá nhân, nâng mái, lợp tole mới, lắp cầu thang, thi công gác ván gỗ, lát nền, cửa nhôm phía trước, sơn toàn bộ nhà, điện, nước và các phần việc phụ cần thiết. Ngày 16/3/2020, ông đã chuyển nhượng toàn bộ Công ty VD L cho bà V toàn quyền sở hữu, có đăng ký thay đổi thông tin về chủ sở hữu trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Nay Bà Vân khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Chia thừa kế theo pháp luật di sản của ông, bà nội của bà V (cố Kh, cố L1) là thửa đất số 10, tờ bản đồ số 32, diện tích 547,9m^2 đất ở, tọa lạc tại tổ 10, khu vực 5, phường NP, thành phố QN, tỉnh BĐ, theo sơ đồ phân chia năm 2002, cụ thể: Bà V xin nhận đất và căn nhà xây trên khoảnh đất số 3 (58m^2) và khoảnh đất số 4 (52m^2) mà bà V đã nhận chuyển đổi và xây dựng mới 02 lần vào năm 2003 và năm 2018. Đối với căn nhà số 28, trước đây các đồng thừa kế đã giao cho ông A sở hữu để thờ cúng ông, bà thì bà V không yêu cầu gì.

- Buộc ông C phải hoàn trả cho bà V số tiền đã nhận 40.000.000 đồng do việc chuyển đổi nhà, đất năm 2003 và bồi thường một phần thiệt hại do chênh lệch giá, tổng cộng số tiền là 200.000.000 đồng.

- Buộc bà C phải hoàn trả cho bà V số tiền đã nhận 20.000.000 đồng và 05 chỉ vàng y do việc chuyển nhượng đất năm 2004 và bồi thường một phần thiệt hại do chênh lệch giá, tổng cộng số tiền là 100.000.000 đồng.

Đối với các khoản tiền mà bà V đã chi phí sửa chữa, xây dựng và đổ đất nâng nền và các yêu cầu bồi thường trước đây gồm: Tiền khấu hao tài sản cố định đầu tư xây dựng năm 2018, tiền lãi vay vốn để xây dựng nhà đợt năm 2018, tiền thuê mặt bằng để làm văn phòng Công ty VD Land, nay bà Vân không yêu cầu và xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện này.

Đại diện hợp pháp của cụ H đồng thời là bị đơn và là người đại diện hợp pháp của các bị đơn ông Lê Văn Tr, bà Lê Thị Thanh Ng là bà Lê Thị Hồng K trình bày:

Ông, bà nội của bà tên Lê Kh (chết năm 1995) và Hồ Thị L1 (chết năm 1983). Ông, bà nội sinh được 01 người con là cha của bà tên Lê Văn L1 (chết

năm 1975). Ông, bà nội và cha của bà chết không để lại di chúc. Mẹ của bà tên Nguyễn Thị H, hiện nay đã già yếu nhưng vẫn còn minh mẫn và đang ở cùng với vợ chồng ông C. Cha, mẹ của bà sinh được 07 người con gồm: Lê Văn A, Lê Thị Thu V, Lê Văn C, Lê Thị Kim C, Lê Văn Tr, Lê Thị Hồng K, Lê Thị Thanh Ng. Theo Giấy khế bán đoạn ngày 11/12/1946, vợ chồng ông Đỗ Hướng Th1, bà Phan Thị V2 có bán cố Kh, cố L một khoảnh đất diện tích 207m^2 nằm trong thửa đất số 498/1. Việc mua bán này được ông Lê Đại Đ1, Chủ tịch Uỷ ban hành chính xã Thanh Hương, quận Tuy Phước lúc bấy giờ xác nhận. Năm 1968, vì cố Kh, cố L đã lớn tuổi nên có cho vợ chồng ông L1, cụ H toàn bộ khoảnh đất nêu trên để mở garage sửa chữa ô-tô. Tại thời điểm này, vợ chồng cụ H đã xây dựng nhà ở kiên cố.

Năm 1976, cụ H có mua thêm một khoảnh đất của ông Đỗ K với diện tích khoảng 328m^2, có xác nhận của các nhân chứng là bà Nguyễn Thị Ph, ông Phan Hữu Đ2, ông Nguyễn Ngọc A1, bà Phan Thị V3. Từ đó đến nay, bà H là người trực tiếp quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích 535m^2 đất nêu trên, đồng thời kê khai, đứng tên trong Sổ mục kê của Ủy ban nhân dân phường NP quản lý. Theo Hồ sơ kỹ thuật thửa đất ngày 13/11/2001 của Trung tâm Kỹ thuật địa chính tỉnh BĐ, thửa đất số 10, tờ bản đồ số 32, tọa lạc tại tổ 10, khu vực 5, phường NP do cụ Nguyễn Thị H đứng tên chủ sử dụng. Cho thấy nguồn gốc ban đầu 207m^2 được cụ Kh, cụ L1 mua của ông Th, bà V3 sau này đã cho vợ chồng cụ L2, cụ H nên quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là tài sản chung của cụ L2, cụ H; phần diện tích 328m^2 do cụ H mua của ông K sau khi cụ L2 chết nên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là tài sản riêng của cụ Hậu.

Việc bà V khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản của cố Kh, cố L để lại là thửa đất số 10, tờ bản đồ số 32, diện tích 547,9m^2 đất ở cũng như yêu cầu bồi thường thiệt hại do việc thỏa thuận miệng chuyển đổi, chuyển nhượng nhà đất giữa ông C, bà C và bà V là không có căn cứ. Toàn bộ diện tích đất này là di sản của cụ L2 chưa chia và một phần thuộc sở hữu riêng của cụ H, chưa thuộc quyền sở hữu của bà C, ông C nên không có quyền chuyển đổi, chuyển nhượng. Bên cạnh đó, bà C và ông C không thừa nhận việc mình có chuyển đổi, chuyển nhượng nhà, đất cho bà V và bà Vân cũng không có giấy tờ chứng minh. Mặt khác, theo quy định của Luật Đất đai thì điều kiện để được chuyển quyền sử dụng đất là phải có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phải công chứng hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất thì mới đúng theo trình tự, thủ tục. Nay cụ H phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết: Đối với phần diện tích đất 207m^2 là tài sản chung của vợ chồng, cụ H yêu cầu chia cho cụ H được hưởng ½ là 103,5m^2 đất, còn lại 103,5m^2 đất của cụ L2 thì chia thừa kế theo pháp luật cho cụ H và các con của cụ L2, cụ H; đối với phần diện tích đất 328m^2 mua của ông K, cụ H yêu cầu công nhận cho cụ được quyền sử dụng riêng phần đất này và các tài sản trên đất.

Về phần vợ chồng bà, ông Tr, bà Ng không có yêu cầu gì đến công sức, chi phí sửa chữa, xây dựng, nâng nền. Vợ chồng bà, ông Tr, bà Ng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V và hoàn toàn thống nhất với yêu cầu phản tố

của cụ H. Nếu Tòa giải quyết phân chia thừa kế theo pháp luật cho bà được hưởng phần nào thì bà xin nhận.

Bị đơn ông Lê Văn A đồng thời là người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Lê Văn C trình bày: Ông thống nhất về mối quan hệ huyết thống trong gia đình cũng như nguồn gốc hình thành, quá trình sử dụng thửa đất số 10, tờ bản đồ số 32 như lời khai của cụ H, bà K. Việc bà V khai trong gia đình có thỏa thuận miệng phân chia đất năm 2002 là bịa đặt. Ông không nhớ là có ký vào Giấy đổi nhà và đất thổ cư ngày 02/4/2003 hay không và ông cũng không có nhận tiền từ bà V để chuyển cho ông C. Bà Vân có thuê thợ sửa chữa nhỏ nhà số 24, đường ND để ở tạm, làm ăn và giải quyết khó khăn vì trước đó có xin gia đình. Ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V và ông hoàn toàn thống nhất với yêu cầu phản tố của cụ H. Trong quá trình quản lý, sử dụng căn nhà số 26, vợ chồng ông có chi phí sửa chữa nhà bằng tiền của mẹ cho nhưng vợ chồng ông không yêu cầu giải quyết. Nếu Tòa giải quyết phân chia thừa kế theo pháp luật cho ông được hưởng phần nào thì ông xin nhận. Về phần ông C cũng không có yêu cầu gì đến công sức, chi phí sửa chữa, xây dựng, nâng nền; ông C không có nhận tiền của bà V và đổi nhà, đất cho bà Vân, ông C không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V và hoàn toàn thống nhất với yêu cầu phản tố của cụ H.

Bị đơn bà Lê Thị Kim C trình bày: Bà thống nhất về quan hệ huyết thống trong gia đình cũng như nguồn gốc hình thành, quá trình sử dụng thửa đất số 10, tờ bản đồ số 32 như lời khai của cụ H, bà K. Trong gia đình bà không có việc thỏa thuận miệng phân chia đất năm 2002 như bà V khai. Bà không có chuyển nhượng cho bà V 60m^2 đất và nhận 20.000.000 đồng và 05 chỉ vàng y của bà V. Giấy đổi nhà và đất thổ cư ngày 02/4/2003 giữa ông Ca và bà V không có chữ ký của mẹ bà, trong khi mẹ bà là người sở hữu phần lớn diện tích đất này. Bà không nhớ là có ký vào Giấy đổi nhà và đất thổ cư đó hay không. Bà không có đóng góp công sức, chi phí gì trên thửa đất tranh chấp nên không có yêu cầu giải quyết. Chồng bà không có liên quan gì đến vụ việc này. Do đó, bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V và bà hoàn toàn thống nhất với yêu cầu phản tố của cụ H. Nếu Tòa giải quyết phân chia thừa kế theo pháp luật cho bà được hưởng phần nào thì bà xin nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Thân Thanh T trình bày: Ông thuê căn nhà số 26, đường ND của cụ Nguyễn Thị H từ năm 2010. Hai bên có ký kết hợp đồng cho thuê nhà. Thời hạn thuê là 05 năm ký kết hợp đồng một lần. Thời hạn thuê nhà còn lại là 05 năm. Ông không có ý kiến gì đối với việc tranh chấp nhà, đất trong vụ án này.

Bà Nguyễn Thị Th1, bà Trần Thị Hồng H1, bà Nguyễn Thị Bích H2, ông Lê Như Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa làm việc, không cung cấp tài liệu, chứng cứ; Tòa án không lấy được lời khai của những người này. bà H1, ông Đ có đơn từ chối tham gia tố tụng vì cho rằng không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án này, không có yêu cầu gì và xin vắng mặt tất cả các buổi làm việc, xét xử tại Tòa án.

Bà Nguyễn Lê Thị Dạ V1 trình bày: Bà là vợ của ông Lê Văn Tr, là con dâu của cụ Nguyễn Thị H. bà không biết gì về nguồn gốc nhà, đất đang tranh chấp cũng như về thỏa thuận phân chia nhà, đất năm 2002, về việc tặng cho, phân chia, cho thuê căn nhà số 26, đường ND.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 44/2023/DS-ST ngày 21 tháng 03 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố QN, tỉnh BĐ đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu V về chia thừa kế thế vị di sản của cố Lê Kh, cố Hồ Thị L1 là thửa đất số 10, tờ bản đồ số 32, diện tích 547,9m^2 loại đất ở, tọa lạc tại tổ 10, khu vực 5, phường NP, thành phố QN, tỉnh BĐ.

- Chia cho bà Lê Thị Thu V được quyền sử dụng đất lô số 01, diện tích 124,5m^2, loại đất ở, có giới cận: Phía Bắc giáp đường ND, phía Nam giáp đường luồng chung, phía Đông giáp phần đất giao cho ông Tr và đường luồng chung, phía Tây giáp nhà ông T3. Bà Lê Thị V được quyền sở hữu căn nhà và các tài sản khác gắn liền với đất.

- Bà Lê Thị Thu V có nghĩa vụ thanh toán công sức, chi phí đóng góp cho cụ Nguyễn Thị H là 50.000.000 đồng và có nghĩa vụ thối tiền cho những người sau: ông Lê Văn C được nhận 327.885.714 đồng, ông Lê Văn Tr được nhận 33.142.857 đồng, bà Lê Thị Thanh Ng được nhận 182.542.857 đồng, bà Lê Thị Hồng K được nhận 180.742.857 đồng, bà Lê Thị Kim C được nhận 191.542.857 đồng.

- Chia cho ông Lê Văn A được quyền sử dụng đất lô số 03, diện tích 130,5m^2, đất ở, có giới cận: Phía Bắc giáp đường ND, phía Nam giáp đường luồng chung, phía Đông giáp nhà ông Hạnh, phía Tây giáp đường luồng chung. Ông Lê Văn A được quyền sở hữu căn nhà và các tài sản khác gắn liền với đất.

- Ông Lê Văn A có nghĩa vụ thối lại cho ông Lê Văn C số tiền là 1.073.857.143 đồng.

- Chia cho ông Lê Văn Tr được quyền sử dụng lô đất số 02, diện tích 69m^2, đất ở, có giới cận: Phía Bắc giáp đường ND, phía Nam giáp phần đất chia cho chị V, phía Đông giáp đường luồng chung, phía Tây giáp phần đất chia cho chị V. Ông Lê Văn Tr được quyền sở hữu căn nhà và các tài sản khác gắn liền với đất.

- Chia cho bà Lê Thị Thanh Ng được quyền sử dụng đất lô số 06, diện tích 60,7m^2, đất ở, có giới cận: Phía Bắc giáp đường luồng chung, phía Nam giáp đường đi, phía Đông giáp nhà ông Trân, phía Tây giáp phần đất chia cho bà K.

- Chia cho bà Lê Thị Hồng K được quyền sử dụng đất lô số 05, diện tích 60,8m^2, đất ở, có giới cận: Phía Bắc giáp đường luồng chung, phía Nam giáp đường đi, phía Đông giáp đất chia cho bà Ng, phía Tây giáp phần đất chia cho bà C.

- Chia cho bà Lê Thị Kim C được quyền sử dụng đất lô số 04, diện tích 60,2m^2, đất ở, có giới cận: Phía Bắc giáp đường luồng chung, phía Nam giáp đường đi, phía Đông giáp đất chia cho bà K, phía Tây giáp nhà ông T3.

- Phần đất ở làm đường luồng chung có diện tích 42,2m^2 thuộc quyền sử dụng đất chung của bà Lê Thị Thu V, ông Lê Văn A, ông Lê Văn Tr, bà Lê Thị Kim C, bà Lê Thị Hồng K, bà Lê Thị Thanh Ng, gồm: Đoạn từ mặt đường ND thẳng ra phía sau nằm giữa lô số 02 và lô số 03 và đoạn nằm giữa các lô số 01, 02, 03 và các lô số 04, 05, 06.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thanh V về yêu cầu ông Lê Văn C phải hoàn trả tiền và bồi thường chênh lệch giá do việc chuyển đổi nhà, đất năm 2003 với tổng số tiền 200.000.000 đồng và yêu cầu bà Lê Thị Kim C phải hoàn trả tiền, vàng và bồi thường chênh lệch giá do việc chuyển nhượng đất năm 2004 với tổng số tiền 100.000.000 đồng.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu V về yêu cầu tiền khấu hao tài sản cố định đầu tư xây dựng năm 2018, tiền lãi vay vốn để xây dựng nhà năm 2018, tiền thuê mặt bằng để làm Công ty VD L

4. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của cụ Trần Thị H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 31 tháng 03 năm 2023 cụ Nguyễn Thị Hậu, ông Lê Văn Anh, ông Lê Văn Ca, ông Lê Văn Trí, bà Lê Thị Kim Cúc, bà Lê Thị Hồng Kính và bà Lê Thị Thanh Nguyệt kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết:

- Cụ Nguyễn Thị Hậu yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận toàn bộ nội dung phản tố của cụ.

- Ông Lê Văn Anh, ông Lê Văn Ca, bà Lê Thị Kim Cúc, ông Lê Văn Trí, bà Lê Thị Hồng Kính và bà Lê Thị Thanh Nguyệt yêu cầu chấp nhận toàn bộ nội dung phản tố của cụ Hậu, còn phần tài sản riêng của cụ Lập các ông, bà thì chia đều cho các ông, bà.

Luật sư Hồ Nguyên Lễ trình bày luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các đồng bị đơn, đề nghị HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo của các bị đơn. Sửa Bản án sơ thẩm về tăng giá trị phần trích công sức đóng góp trong việc quản lý, tôn tạo di sản cho cụ Nguyễn Thị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến:

- Về Tố tụng: Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo của cụ Nguyễn Thị H. Không xem xét kháng cáo của các đồng bị đơn khác vì không được quyền kháng cáo thay cho cụ H. Sửa Bản án sơ thẩm theo hướng tăng giá trị phần trích công sức bằng ½ kỷ phần thừa kế cho cụ H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo cụ Nguyễn Thị H, HĐXX thấy rằng:

[1.1] Phía bị đơn cho rằng thửa đất số 10, tờ bản đồ số 32, diện tích 547,9m^2 tọa lạc tại tổ 10, khu vực 5, phường NP, thành phố QN, tỉnh BĐ mà các bên đang tranh chấp có 328m^2 là đất của cụ Nguyễn Thị H mua của ông Đỗ K. Tuy nhiên, phía bị đơn không đưa ra được chứng cứ để chứng minh. Mặt khác, người bán đất là ông Đỗ K đã chết, những người làm chứng do phía bị đơn cung cấp như: Bà Nguyễn Thị Phước, ông Phan Hữu Đ1 thì không sinh sống tại địa phương và hiện nay không biết ở đâu, còn sống hay đã chết, ông Nguyễn Ngọc A1 đã chết, còn bà Phan Thị V2 có đến dự phiên tòa sơ thẩm nhưng lại khai báo không rõ ràng, không có chứng cứ xác thực để kiểm chứng. Hơn nữa, thửa đất tranh chấp thể hiện trên bản đồ 299 là thửa đất số 874, tờ bản đồ số 09, diện tích 1.330m^2, loại đất thổ cư, ghi tên chủ sử dụng là cố Lê Kh, thể hiện trên bản đồ năm 2001 (chưa đăng ký thống kê) là thửa đất số 10, tờ bản đồ số 32, diện tích 563,1m^2, loại đất ở, ghi tên chủ sử dụng là cụ Nguyễn Thị H. Tuy nhiên, cụ H được chính quyền đưa đi kinh tế mới và đăng ký hộ khẩu thường trú ở xã C , huyện VC, tỉnh BĐ, đến tháng 4/2018 mới chuyển hộ khẩu về tổ 10, khu vực 5, phường NP, thành phố QN, tỉnh BĐ và hộ khẩu chỉ đứng tên một mình bà H. Do đó, cấp sơ thẩm xác định Nguồn gốc thửa đất số 10, tờ bản đồ số 32, diện tích 547,9m^2, loại đất ở và 01 căn nhà trên đất (nhà số 28, đường ND) là tài sản do vợ chồng cụ Khi cụ L1 tạo lập, cụ Hậu không nhận chuyển nhượng riêng từ ông Kiên 328m^2 đất là có cơ sở.

[1.2] Cụ Nguyễn Thị H cho rằng vợ chồng cố Lê Kh, cố Hồ Thị L1g đã tặng cho vợ chồng cụ 207m^2 đất mua của vợ chồng cụ Đỗ Hướng Th1, cụ Phan Thị V2 nhưng không được nguyên đơn chấp nhận và cụ H cũng không có chứng cứ gì để chứng minh. Hơn nữa, Ngày 27/7/2019, phía bị đơn đã làm hồ sơ yêu cầu công chứng văn bản phân chia di sản thừa kế của cố Kh, cố L1 và cụ L2 với nội dung là những người thừa kế của cố Khi, cố Lang và cụ Lập tặng cho di sản của cố Kh, cố L1 và cụ L2 cho cụ H, nhưng hồ sơ không được công chứng vì do nguyên đơn không đồng ý. Do đó, cấp sơ thẩm xác định cố Kh, cố L không tặng cho cụ H nhà, đất là có căn cứ.

[1.3] Cấp sơ thẩm nhận định, trong quá trình sinh sống cùng với các con, cụ H có đóng góp công sức, chi phí trong việc quản lý, gìn giữ, tôn tạo, làm tăng giá trị di sản và quyết định trích cho cụ H được nhận một phần giá trị từ khối di sản nêu trên là có cơ sở. Tuy nhiên, việc trích cho cụ H với số tiền 50.000.000 đồng là không tương ứng, phù hợp công sức cụ Hậu đã bỏ ra hơn 40 năm qua. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của cụ H về phần này. Sửa bản án sơ thẩm số: 44/2023/DS-ST ngày 21 tháng 03 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố QN, tỉnh BĐ, trích công sức đóng góp, quản lý, tôn tạo di sản với giá trị bằng một kỷ phần thừa kế của những người thừa kế thế vị của cụ Lập đối với di sản của cố Kh, cố L1, cụ thể: Giá trị di sản là 9.862.200.000 đồng, sau khi trừ đi giá trị đường luồng chung, còn lại: 9.862.200.000 đồng - 759.600.000 đồng = 9.102.600.000 đồng nên mỗi kỷ phần có giá trị: 9.102.600.000 đồng : 8 kỷ phần (gồm 07 người con của cụ L1, cụ H và 1 kỷ phần trích cho cụ H) = 1.137.825.000 đồng/kỷ phần. Bà V được quyền sử dụng lô số 1, diện tích

124,5m^2 đất ở, có giá trị 2.241.000.000 đồng nên phải giao lại lại giá trị chênh lệch cho cụ H: 1.103.175.000 đồng. Ông A được quyền sử dụng lô số 3, diện tích130,5m^2 đất ở, có giá trị 2.349.000.000 đồng nên phải giao lại giá trị chênh lệch cho: Cụ H: 34.650.000 đồng, ông C: 1.137.825.000 đồng, bà K 38.700.000 đồng. Ông Tr được quyền sử dụng lô số 2, diện tích 69m^2 đất ở, có giá trị 1.242.000.000 đồng nên phải giao lại lại giá trị chênh lệch cho: Bà K 4.725.000 đồng, bà C: 54.225.000 đồng và bà Ng: 45.225.000 đồng.

[2] Xét kháng cáo của ông Lê Văn A, ông Lê Văn C, bà Lê Thị Kim C, ông Lê Văn Tr, bà Lê Thị Hồng K và bà Lê Thị Thanh Ng, HĐXX thấy rằng: Đối với yêu cầu chấp nhận toàn bộ nội dung phản tố của cụ H, thì đây là quyền tự định đoạt của cụ H nên các ông bà nêu trên không có quyền yêu cầu. Đối với yêu cầu phân chia tài sản riêng của cụ L1, thì như đã phân tích ở trên cụ L1 không có tài sản riêng mà tài sản các các ông bà nói trên được được thừa hưởng từ cố Kh, cố L2 qua việc thế vị của cụ Lập vì cụ Lập chết trước cố Kh, cố L2. Do đó kháng cáo của ông Lê Văn A ông Lê Văn C, bà Lê Thị Kim C, ông Lê Văn Tr, bà Lê Thị Hồng và bà Lê Thị Thanh Ng là không có căn cứ nên không được HĐXX chấp nhận.

[3] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí, chi phí tố tụng khác:

[4.1] về án phí: Về án phí: Căn cứ quy định tại Điều 147, 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26, khoản 7 Điều 27, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì bà Lê Thị Thu V, ông Lê Văn A, ông Lê Văn C, ông Lê Văn Tr, bà Lê Thị Kim C, bà Lê Thị Hồng K và bà Lê Thị Thanh Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Cụ Nguyễn Thị Hậu được miễn toàn bộ án phí.

[4.2] Về chi phí tố tụng khác:

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 12.000.000 đồng, bà Vân đã ứng chi xong. Theo quy định tại các Điều 157, 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì các đồng thừa kế đều phải chịu phần bằng nhau nên ông A, ông C, ông Trí, bà C, bà K, bà Ng mỗi người có nghĩa vụ hoàn trả cho bà V số tiền là 1.714.286 đồng.

- Chi phí giám định là 7.290.000 đồng, ông C đã ứng chi xong. Theo quy định tại Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì bà V phải chịu chi phí giám định nên bà V phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông C số tiền trên.

[5] Luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cụ Nguyễn Thị H của luật sư Hồ Nguyên L có một phần phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm cũng như về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 148, 157, 161, 165, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 136, 678, 679, 680, 691, 692, 693, 738, 739, 743 của Bộ luật Dân sự năm 1995;

Căn cứ các Điều 623, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 106, khoản 2 Điều 107 Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 27, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của cụ Nguyễn Thị H. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn A, ông Lê Văn C, ông Lê Văn Tr, bà Lê Thị Kim C, bà Lê Thị Hồng K và bà Lê Thị Thanh Ng. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: số: 44/2023/DS-ST ngày 21 tháng 03 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố QN, tỉnh BĐ về phần trích công sức quản lý, tôn tạo di sản cho cụ Nguyễn Thị H.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu V về chia thừa kế thế vị di sản của cố Lê Khi cố Hồ Thị L2 là thửa đất số 10, tờ bản đồ số 32, diện tích 547,9m^2 loại đất ở, tọa lạc tại tổ 10, khu vực 5, phường NP, thành phố QN, tỉnh BĐ (Có sơ đồ hiện trạng kèm theo bản án sơ thẩm).

1.1 Chia cho bà Lê Thị Thu Vân được quyền sử dụng đất lô số 01, diện tích 124,5m^2, loại đất ở, có giới cận: Phía Bắc giáp đường ND, phía Nam giáp đường luồng chung, phía Đông giáp phần đất giao cho ông Trí và đường luồng chung, phía Tây giáp nhà ông Tích. Bà Lê Thị V được quyền sở hữu căn nhà và các tài sản khác gắn liền với đất.

1.2 Chia cho ông Lê Văn A được quyền sử dụng đất lô số 03, diện tích 130,5m^2, đất ở, có giới cận: Phía Bắc giáp đường ND, phía Nam giáp đường luồng chung, phía Đông giáp nhà ông Hạnh, phía Tây giáp đường luồng chung. Ông Lê Văn A được quyền sở hữu căn nhà và các tài sản khác gắn liền với đất.

1.3 Chia cho ông Lê Văn Tr được quyền sử dụng lô đất số 02, diện tích 69m^2, đất ở, có giới cận: Phía Bắc giáp đường ND, phía Nam giáp phần đất chia cho chị V, phía Đông giáp đường luồng chung, phía Tây giáp phần đất chia cho

chị Vân. Ông Lê Văn Tr được quyền sở hữu căn nhà và các tài sản khác gắn liền với đất.

1.4 Chia cho bà Lê Thị Thanh Ng được quyền sử dụng đất lô số 06, diện tích 60,7m^2, đất ở, có giới cận: Phía Bắc giáp đường luồng chung, phía Nam giáp đường đi, phía Đông giáp nhà ông Trân, phía Tây giáp phần đất chia cho bà K.

1.5 Chia cho bà Lê Thị Hồng K được quyền sử dụng đất lô số 05, diện tích 60,8m^2, đất ở, có giới cận: Phía Bắc giáp đường luồng chung, phía Nam giáp đường đi, phía Đông giáp đất chia cho bà Ng, phía Tây giáp phần đất chia cho bà C.

1.6 Chia cho bà Lê Thị Kim C được quyền sử dụng đất lô số 04, diện tích 60,2m^2, đất ở, có giới cận: Phía Bắc giáp đường luồng chung, phía Nam giáp đường đi, phía Đông giáp đất chia cho bà K, phía Tây giáp nhà ông Tích.

1.7 Phần đất ở làm đường luồng chung có diện tích 42,2m^2 thuộc quyền sử dụng đất chung của bà Lê Thị Thu V, ông Lê Văn A, ông Lê Văn Tr, bà Lê Thị Kim C, bà Lê Thị Hồng K, bà Lê Thị Thanh Ng, gồm: Đoạn từ mặt đường ND thẳng ra phía sau nằm giữa lô số 02 và lô số 03 và đoạn nằm giữa các lô số 01, 02, 03 và các lô số 04, 05, 06.

1.8 Bà Lê Thị Thu V phải có nghĩa vụ thanh toán giá trị công sức quản lý, tôn tạo di sản cho cụ Nguyễn Thị H là: 1.103.175.000 đồng.

1.9 Ông Lê Văn A phải có nghĩa vụ thanh toán giá trị công sức quản lý, tôn tạo di sản cho cụ Nguyễn Thị H là: 34.650.000 đồng và phải thanh toán giá trị chênh lệch di sản được nhận cho ông Lê Văn C: 1.137.825.000 đồng, bà Lê Thị Hồng K 38.700.000 đồng.

1.10 Ông Lê Văn Tr phải giao lại lại giá trị chênh lệch di sản được nhận cho: Bà Lê Thị Hồng K 4.725.000 đồng, bà Lê Thị Kim C: 54.225.000 đồng và bà Lê Thị Thanh Ng: 45.225.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thanh V về yêu cầu ông Lê Văn C phải hoàn trả tiền và bồi thường chênh lệch giá do việc chuyển đổi nhà, đất năm 2003 với tổng số tiền 200.000.000 đồng và yêu cầu bà Lê Thị Kim C phải hoàn trả tiền, vàng và bồi thường chênh lệch giá do việc chuyển nhượng đất năm 2004 với tổng số tiền 100.000.000 đồng.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Thu V về yêu cầu tiền khấu hao tài sản cố định đầu tư xây dựng năm 2018, tiền lãi vay vốn để xây dựng nhà năm 2018, tiền thuê mặt bằng để làm Công ty VD L.

4. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của cụ Nguyễn Thị H.

5. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Về án phí, chi phí tố tụng khác:

6.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị Thu V phải chịu án phí về chia thừa kế là 46.134.750 đồng, nhưng được khấu trừ vào 8.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu số: 0002004 ngày 17 tháng 9 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố QN, tỉnh BĐ, bài V còn phải nộp 37.384.750 đồng.

- Bà Lê Thị Thu V phải chịu án phí về việc yêu cầu ông Lê Văn C hoàn trả tiền và bồi thường thiệt hại là 10.000.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số: 0002006 ngày 17 tháng 9 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố QN, tỉnh BĐ, Bà V còn phải nộp 9.700.000 đồng.

- Bà Lê Thị Thu V phải chịu án phí về việc yêu cầu bà Lê Thị Kim C hoàn trả tiền và bồi thường thiệt hại là 5.000.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu số: 0002005 ngày 17 tháng 9 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố QN, tỉnh BĐ, bà V còn phải nộp 4.700.000 đồng.

- Hoàn trả cho bà Lê Thị Thu V 7.249.875 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu số: 0008097 ngày 22 tháng 6 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố QN, tỉnh BĐ.

- Ông Lê Văn A, ông Lê Văn Ca ông Lê Văn Tr, bà Lê Thị Kim C, bà Lê Thị Hồng K, bà Lê Thị Thanh Ng mỗi người phải chịu án phí về chia thừa kế là 46.134.750 đồng.

6.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho ông Lê Văn A, ông Lê Văn C, ông Lê Văn Trí, bà Lê Thị Kim C, bà Lê Thị Hồng K, bà Lê Thị Thanh Ng mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo các Biên lai thu số: 0003551, 0003552, 0003553, 0003554, 0003555, 0003556 ngày 06 tháng 4 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố QNh, tỉnh BĐ.

6.3 Về chi phí tố tụng:

- Về chi phí giám định: Bà Lê Thị Thu V có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Lê Văn C 7.290.000 đồng.

- Về chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Lê Văn A, ông Lê Văn Ca ông Lê Văn Tr, bà Lê Thị Kim C, bà Lê Thị Hồng K và bà Lê Thị Thanh Ng mỗi người có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Lê Thị Thu V 1.714.286 đồng.

7. Quyền, nghĩa vụ thi hành án:

7.1 Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

7.2 Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND TP. QN;
- CCTHADS TP.QNh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Công Phương

THÀNH VIÊN HĐXX **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Minh Dũng **Nguyễn Thị Thanh bình** **Võ Công Phương**